TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/LĐ-ST
Ngày: 19-9-2025
V/v "Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh – Cán bộ hưu trí

2. Ông Hoàng Minh Tuấn – Nguyên cán bộ Liên đoàn lao động TP. Thủ Dầu Một

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh***: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 12/2025/TLST-LĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc "*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-LĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Tổ E, ấp T, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn**: Tổng công ty Đ; địa chỉ: Tầng I, Tòa nhà W, số A đường H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Đại T- chức vụ: Giám đốc Phòng quản lý đất đai Tổng công ty Đ, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Bảo hiểm xã hội Thành phố H; địa chỉ: Số E đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày*:** Bà Nguyễn Thị Bích P làm việc tại Công ty cổ phần G ngày 12/3/2009, đến tháng 4/2010 bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội, đến ngày 14/5/2024 bà P nghỉ việc tại Công ty. Quá trình làm việc tại Công ty cổ phần G, bà P và Công ty Đ1. Sau khi nghỉ việc, bà P làm thủ tục và hưởng bảo hiểm thất nghiệp, sau khi hưởng hết bảo hiểm thất nghiệp, bà P liên hệ Cơ quan Bảo hiểm để làm thủ tục hưởng bảo hiểm một lần thì được biết chứng minh nhân dân của bà P tồn tại 02 mã bảo hiểm là 7410014404 tại Công ty cổ phần G và 7411208176 tại Tổng công ty Đ, 02 mã bảo hiểm này bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội bị trùng từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2016.

Sau khi được bảo hiểm trả lời, mẹ bà P nói là trước đó mẹ bà P có cho bạn của mẹ mượn chứng minh nhân dân của bà P để xin việc cho em gái của bạn mẹ bà P, còn mẹ bà P và bà P hoàn toàn không biết người đó là ai, hiện đang ở đâu, còn phía chị gái của người mượn chứng minh nhân dân né tránh, không cung cấp thông tin của người mượn nên bà P không biết được thông tin của người mượn để cung cấp cho Tòa án.

Do đó, để được bảo hiểm một lần, bà P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Nguyễn Thị Bích P (người mượn chứng minh nhân dân) với Tổng công ty Đ từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2016 vô hiệu. Hậu quả của việc tuyên hợp đồng lao động vô hiệu thì bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện bị đơn – ông Hồ Đại T trình bày:*** Tổng công ty Đ ký hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Bích P bắt đầu từ tháng 5/2011 đến tháng 5/2016, cứ 01 năm lại ký hợp đồng lao động 01 lần, công việc của bà P là công nhận cạo mủ cao su, trong thời gian từ tháng 7/2011 đến 02/2016 Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho bà P đầy đủ. Đến ngày tháng 02/2016, bà P nghỉ việc và Công ty đã ban hành quyết định nghỉ việc với bà P kể từ ngày 13/02/2016.

Thời điểm Tổng công ty Đ tuyển dụng bà P vào làm việc thì toàn bộ hồ sơ xin việc của bà P đầy đủ nên Tổng Công ty nhận vào làm việc, Tổng Công ty hoàn toàn không biết bà P mượn chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động.

Do đó, nay bà P yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thị Bích P (người mượn chứng minh nhân dân) với Tổng công ty Đ từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2016 vô hiệu thì đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định, phía bị đơn sẽ không chịu hậu quả gì đối với việc tuyên vô hiệu của bà P vì bị đơn hoàn toàn không biết bà P (người mượn chứng minh nhân dân) để ký hợp đồng lao động và làm việc tại Tổng công ty Đ.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Thành phố H:*** Tại Công văn số 1336/BHXH-Vp ngày 04/9/2025, Bảo hiểm xã hội Thành phố H đề nghị được vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và sẽ thực hiện đầy đủ phán quyết của Tòa án.

**** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:***

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn và đại diện bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng và đầy đủ về

quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P về việc "*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*" đối với bị đơn Tổng công ty Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về thẩm quyền*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn Tổng công ty Đ có trụ sở tại phường B nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó, HĐXX xác định quan hệ pháp luật là yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Bích P với với Tổng công ty Đ từ tháng từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2016 vô hiệu.*

Nguyên đơn xác định: Bà Nguyễn Thị Bích P chỉ làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty cổ phần G từ tháng 4/2010 đến ngày 14/5/2024, bà hoàn toàn không làm việc và không tham gia bảo hiểm tại Tổng công ty Đ2.

Đại diện bị đơn xác định: Tổng công ty Đ hoàn toàn không biết bà Nguyễn Thị Bích P (người mượn chứng minh nhân dân) của bà P để giao kết hợp đồng lao động. Do đó, nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định.

Xét thấy: Tại Công văn số 25/CV - BHXH ngày 25/7/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Uyên xác định: Bà P tham gia bảo hiểm xã hội với Tổng công ty Đ từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2016 với mã bảo hiểm xã hội 7411208176, đối với mã bảo hiểm này thì bà P chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm một lần;

Theo như sổ bảo hiểm xã hội mà bà Nguyễn Thị Bích P cung cấp thì bà P có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty cổ phần G từ tháng 4/2010 đến ngày 14/5/2024 với mã bảo hiểm xã hội 7410014404.

Như vậy, thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà P bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội của mã bảo hiểm **7411208176** và **7410014404**. Mã số **7411208176** có quá trình tham gia bảo hiểm từ tháng từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2016 tại Tổng công ty Đ. Mã số **77410014404** có quá trình tham gia bảo hiểm từ tháng 4/2010 đến tháng 4/2024 tại Công ty cổ phần G. Việc bà P cho người khác sử dụng thông tin cá nhân để giao kết hợp đồng lao động với Tổng công ty Đ trong thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2016 với bảo

hiểm 7411208176 là không đúng về mặt chủ thể khi xác lập hợp đồng, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Bích P (người mượn chứng minh nhân dân) với Tổng công ty Đ thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2016 với mã bảo hiểm 7411208176 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012.

[2.2] *Hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu:* Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nênTòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

[3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 93, 266, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ 127; 132 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích P với Tổng công ty Đ về việc "*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*".

Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Nguyễn Thị Bích P (người mượn chứng minh nhân dân) và Tổng công ty Đ từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2016 vô hiệu.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Tổng công ty Đ phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15- thành phố HCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hằng